

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2019/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý
cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT-BXD-BCA ngày 10/4/2009 của Liên Bộ: Xây dựng - Công An hướng dẫn thực hiện việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về xác định giá nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính về

sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 54/2013/TT-BTC.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công, phân cấp quản lý cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Xây dựng, Tư pháp, NN & PTNT (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: HCTC, CN.XDCB, NNTN, NC, CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Nường

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND

Ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch, bảo vệ công trình cấp nước tập trung tại đô thị, nông thôn và khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị cấp nước (ĐVCN) trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý nhà nước về cấp nước được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đơn vị cung cấp nước sạch có trách nhiệm đảm bảo cấp nước an toàn (CNAT); thực hiện hạch toán, báo cáo theo quy định.

3. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng và khai thác công trình phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với các cơ quan, ĐVCN và các đơn vị liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước sạch tại đô thị và khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt.

2. Hướng dẫn các hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, cho ý kiến bằng văn bản đối với giá nước sạch tại đô thị và khu cụm, công nghiệp.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước của ĐVCN tại đô thị và khu, cụm công nghiệp theo quy định hiện hành.

4. Phối hợp với Sở Y tế thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng nước sinh hoạt tại đô thị và khu, cụm công nghiệp.

5. Tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, UBND tỉnh về tình hình cấp nước sạch đô thị, công nghiệp theo quy định.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì thanh tra, kiểm tra hoạt động của các ĐVCN trên địa bàn nông thôn đảm bảo CNAT, xây dựng lộ trình chuyển đổi các trạm cấp nước nông thôn sử dụng nước ngầm do Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đang quản lý sang đầu nối vào nguồn nước tại các nhà máy cấp nước có công suất lớn.

2. Ban hành hướng dẫn quản lý các hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch nông thôn; cho ý kiến bằng văn bản đối với giá nước sạch tại khu vực nông thôn.

3. Phối hợp với Sở Y tế thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng nước sinh hoạt nông thôn.

4. Tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình cấp nước sạch nông thôn theo quy định.

Điều 6. Sở Y tế

1. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động của các phòng thí nghiệm nước theo quy định.

3. Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn về chất lượng nước sạch, chất lượng nước thô theo quy định.

Điều 7. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong việc khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp chính quyền các địa phương quản lý nguồn thải, các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực khai thác phục vụ sản xuất nước sạch, khoanh lưu vực bảo vệ đảm bảo chất lượng nguồn nước thô; đề xuất biện pháp phòng ngừa các nguy cơ ô nhiễm nguồn nước phục vụ cấp nước.

Điều 8. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn chi tiết, phương pháp xác định giá nước sạch bao gồm giá bán trực tiếp cho khách hàng và giá bán buôn; thẩm định phương án giá bán nước sạch trình UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng lộ trình điều chỉnh giá bán nước sạch theo quy định trình UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng phương án cấp bù giá nước sạch (cho các ĐVCN trong trường hợp UBND tỉnh quyết định phương án giá nước sạch thấp hơn giá thành đã tính đúng tính đủ theo quy định) trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc áp dụng giá nước sạch và quản lý tài chính theo thẩm quyền.

3. Hàng năm cân đối ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ, cấp bù giá nước sạch (nếu có); quản lý, chi đạo thu nguồn kinh phí đã hỗ trợ cho các ĐVCN theo quy định.

4. Tổ chức hiệp thương giá và báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật khi giá bán buôn của bên bán và bên mua không thỏa thuận được.

Điều 9. Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh

1. Chỉ đạo các ĐVCN sạch khu công nghiệp phải đảm bảo CNAT cho các doanh nghiệp, các đối tượng khác có liên quan trong phạm vi cấp nước.

2. Giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, vướng mắc về dịch vụ cấp nước trong khu công nghiệp.

3. Báo cáo các nội dung liên quan về quản lý cấp nước khu công nghiệp gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 10. Công an tỉnh

1. Nhận bàn giao và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, tổ chức bảo vệ các trụ cứu hỏa; kiểm tra, đề xuất sửa chữa duy tu bảo dưỡng thay thế các trụ cứu hỏa theo quy định; thanh toán chi phí sử dụng nước PCCC cho ĐVCN.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, ĐVCN và UBND cấp huyện, xây dựng phương án quản lý, định kỳ kiểm tra chất lượng các trụ cứu hỏa; khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước PCCC và phối hợp với các đơn vị (cấp nước, quản lý hạ tầng) quản lý, vận hành hệ thống cấp nước PCCC xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với ĐVCN trên địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ, Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng.

2. Dự báo nhu cầu sử dụng nước trong cụm công nghiệp hàng năm và 05 năm, 10 năm, 20 năm gửi về Sở Xây dựng; phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và giai đoạn 05 năm, 10 năm và đến 20 năm do ĐVCN trình.

3. Thanh tra, kiểm tra các ĐVCN trên địa bàn đảm bảo CNAT, mở rộng phạm vi cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển ở địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu nước, mất nước; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) phối hợp với ĐVCN trong việc bảo vệ hệ thống cấp nước.

4. Phối hợp với cơ quan và ĐVCN xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước và an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý; phối hợp với ĐVCN tổ chức kiểm tra giám sát nhằm kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước và xử lý theo thẩm quyền; tổ chức tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước.

5. Báo cáo các nội dung liên quan về công tác quản lý cấp nước trên địa bàn đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh gửi về Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với khu vực nông thôn) để tổng hợp.

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với ĐVCN thực hiện bảo vệ công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng hư hỏng đường ống do các hành vi phá hoại của người dân, thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình cấp nước. Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra, xử phạt hoặc đề nghị xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ hành lang an toàn đường ống cấp nước, các trường hợp khách hàng sử dụng nước trái phép trên địa bàn quản lý theo quy định pháp luật.

2. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước.

3. Kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND cấp huyện, các ĐVCN về tình hình đảm bảo CNAT và đề xuất mở rộng phạm vi phục vụ cấp nước đáp ứng nhu cầu cấp nước của nhân dân địa phương.

Điều 13. Đơn vị cấp nước

1. Ký và thực hiện tốt thỏa thuận dịch vụ cấp nước với UBND cấp huyện; phối hợp Sở Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn) lập phương án giá nước, lộ trình điều chỉnh giá nước theo quy định gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Lập và thực hiện kế hoạch CNAT gửi Sở Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn) thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

3. Lập kế hoạch phát triển cấp nước, báo cáo Sở Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn), Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Phối hợp với các lực lượng Thanh tra xây dựng, Công an tại địa phương xử lý các vi phạm công trình cấp nước; phối hợp với Công an tỉnh xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy và chữa cháy.

5. Báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm về tình hình cấp nước gửi UBND cấp huyện và các Sở: Tài chính, Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn). Kịp thời báo cáo UBND cấp huyện về ảnh hưởng đến an toàn nguồn nước và UBND tỉnh về tình hình hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch khi yêu cầu.

6. Báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm kết quả xét nghiệm mẫu nước gửi Sở Y tế, UBND cấp huyện đang cấp nước, Sở Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn).

7. Có trách nhiệm hoàn trả kinh phí nhà nước đã hỗ trợ theo quy định.

8. Ngừng phát nước ra mạng khi không đảm bảo chất lượng; ngừng cung cấp nước sạch đối với những trường hợp vi phạm hợp đồng sử dụng nước hoặc không thanh toán đầy đủ các chi phí sửa chữa liên quan tính từ đại khởi thủy đến đồng hồ nước; từ chối cung cấp nước sạch cho các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước.

9. Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Bắc Ninh có trách nhiệm đánh giá, xây dựng lộ trình chuyển đổi các trạm sử dụng nguồn nước ngầm đang quản lý sang đầu nối vào nguồn nước tại các nhà máy cấp nước mặt công suất lớn báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, các tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Nường